

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

*Xét báo cáo ngày 14/01/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý Kiểm nghiệm.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT cho 05 sản phẩm (L-MET ECO (L-Methionine), Xylanase FE504D, Phytase FE609D, Phytase FE609C, PDFM (Premium Dried Food Meal)) của Công ty TNHH Dinh dưỡng thiết yếu An Thịnh Phát, địa chỉ: Khu 4, Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Dinh dưỡng thiết yếu An Thịnh Phát được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Dinh dưỡng thiết yếu An Thịnh Phát, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Nai;
- Giám đốc TT (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên

Phụ lục
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN- CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

TT	Tên sản phẩm	Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	L-MET ECO (L-Methionine) (HQ.25.00427) (Thức ăn bổ sung: Nhóm Vitamin, Axit amin, Axit hữu cơ)	BNNPTNT 29240031821	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Xylanase FE504D (HQ.25.00428) (Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)	BNNPTNT 29240031806		Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	Phytase FE609D (HQ.25.00429) (Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)	Aflatoxin B1		µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011	
		Chì (Pb)		mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013	
		Cadimi (Cd)		mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013	
		Thủy ngân (Hg)		mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012	
		<i>Escherichia coli</i>		CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008	
		<i>Salmonella</i> spp.		/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017	



4	Phytase FE609C (HQ.25.00430) (Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)	BNNPTNT 29240031806	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	PDFM (Premium Dried Food Meal) (HQ.25.00431)/ Thức ăn truyền thống khác, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản khác	BNNPTNT 29240031811		Asen tổng số (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH - không phát hiện

